

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KĨ NĂNG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC VÙNG NÔNG THÔN MIỀN NÚI PHÍA BẮC

○ ThS. NGÔ GIANG NAM*

Giao tiếp là kĩ năng sống quan trọng, giúp con người trao đổi thông tin với nhau, xây dựng mối quan hệ và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống một cách có hiệu quả. Vì vậy, giao tiếp là nhu cầu không thể thiếu của mỗi con người, nhờ có kĩ năng giao tiếp (KNGT) mà con người có thể chung sống và hòa nhập trong xã hội không ngừng biến đổi. KNGT tốt là chìa khóa để bắt đầu những thành công của con người. Theo thống kê, những yếu tố giúp hoạt động của con người thành công có tới 60% do giao tiếp đem lại. KNGT của con người không phải sinh ra đã có mà phải trải qua quá trình tập luyện, rèn luyện của bản thân. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, dạy học trong nhà trường tiểu học, giáo viên (GV) cần quan tâm tới việc rèn luyện KNGT cho học sinh (HS).

1. Giao tiếp của HS không những phụ thuộc vào năng lực cá nhân, đặc điểm văn hoá vùng miền, mà còn chịu ảnh hưởng thông qua năng lực giao tiếp của GV và môi trường xung quanh. Trong quá trình giáo dục KNGT, đặc biệt phải chú ý đến tính đặc trưng của vùng miền; vì ở nước ta hiện nay, trình độ dân trí, điều kiện kinh tế - xã hội giữa các vùng miền không đồng đều nên điều kiện học tập, thích ứng với xã hội ở các địa phương là khác nhau. Miền núi, vùng sâu, vùng nông thôn là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội, giao thông đi lại khó khăn nên nhận thức của HS còn nhiều hạn chế, vì vậy, HS cũng hạn chế về KNGT. Việc giáo dục KNGT cho học sinh tiểu học (HSTH) nông thôn miền núi phía Bắc giúp trang bị cho các em một số KNGT cơ bản và thể hiện các KNGT trong cuộc sống góp phần nâng cao năng lực cá nhân và

chất lượng cuộc sống, tiến tới thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhân cách HS. Để làm tốt được điều này, GV cần phải hiểu rõ những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giao tiếp và năng lực giao tiếp của HS.

2. Tìm hiểu vấn đề trên, chúng tôi tiến hành khảo sát 356 GV tiểu học (thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái) về những yếu tố ảnh hưởng tới giao tiếp của HSTH nông thôn miền núi và thu được kết quả như ở *bảng 1*.

Bảng 1. Những yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp của HSTH vùng nông thôn

| TT | Nội dung khảo sát | Đồng ý | | Phân vân | | Không đồng ý | |
|----|---------------------------------|--------|------|----------|------|--------------|------|
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Tính cách của HSTH | 277 | 77,8 | 52 | 14,6 | 25 | 7,0 |
| 2 | Học lực của HSTH | 237 | 66,6 | 75 | 21,1 | 42 | 11,8 |
| 3 | Vốn ngôn ngữ của HSTH | 303 | 85,1 | 46 | 12,9 | 5 | 1,4 |
| 4 | Phong tục, tập quán của DT mình | 261 | 73,3 | 77 | 21,6 | 17 | 4,8 |
| 5 | Điều kiện giao tiếp | 299 | 84 | 54 | 15,2 | 1 | 0,3 |
| 6 | Các mối quan hệ của HS | 231 | 64,9 | 116 | 32,6 | 7 | 2 |
| 7 | Phương pháp giảng dạy của GV | 179 | 50,3 | 98 | 27,5 | 77 | 21,6 |
| 8 | Áp lực chương trình SGK | 173 | 48,6 | 138 | 38,8 | 43 | 12,1 |
| 9 | Môi trường sống | 281 | 78,9 | 70 | 19,7 | 3 | 0,8 |
| 10 | Điều kiện gia đình | 295 | 82,9 | 43 | 12,1 | 16 | 4,5 |
| 11 | Yếu tố khác | 165 | 46,3 | 179 | 50,3 | 10 | 2,8 |

- *Bảng 1* cho thấy, yếu tố ảnh hưởng đầu tiên đến giao tiếp của HSTH nông thôn miền núi phía Bắc là *vốn ngôn ngữ* của HS (chiếm 85,1%), tiếp theo là *điều kiện giao tiếp* (84%), *điều kiện gia đình* (82,9%) và *môi trường sống* (78,9%). Các yếu tố này có quan hệ mật thiết, liên quan đến KNGT của HS, nhưng lại là một trong những điểm yếu, hạn chế lớn nhất của HSTH nông thôn.

Ngôn ngữ vốn được coi là một trong những điều kiện quan trọng để trẻ em phát triển tư duy. Do đặc điểm cư trú của HSTH nông thôn miền núi phía Bắc đa phần ở vùng núi cao, trung du,

* Trưởng Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

khí hậu khắc nghiệt, giao thông chưa phát triển, kinh tế miền núi chủ yếu mang tính tự cung tự cấp, thu nhập thấp, môi trường giao tiếp hẹp nên trẻ em có vốn từ hạn chế, khả năng sử dụng tiếng Việt còn thấp, thiếu KNGT. Trong gia đình, làng bản, các em thường suy nghĩ và giao tiếp bằng tiếng dân tộc mình, khi đến trường lại tiếp thu tri thức bằng tiếng Việt, hơn nữa, các em ít va chạm nên vốn sống, vốn hiểu biết của HSTH ở nông thôn còn hạn chế, thường thỏa mãn với những cái đã có sẵn, ngại suy nghĩ. Chính điều này tạo nên những nét riêng của các em trong cách nói và cách nghĩ.

Tính cách của HSTH nông thôn miền núi. Qua khảo sát, 77,8% GV đồng ý với yếu tố tính cách của HS ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp của các em. Do điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường sống bó hẹp trong gia đình, thôn bản, từ nhỏ các em sống trong không gian của núi rừng, tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, ít va chạm với môi trường xã hội nên đã ảnh hưởng đến tính cách của HS. HSTH nông thôn miền núi đa phần nhút nhát, thiếu tự tin khi giao tiếp, dẫn đến tình trạng gặp người lạ ít chào hỏi, ngại giao tiếp, chủ yếu là tò mò quan sát...

Phong tục tập quán của địa phương (chiếm đến 73,3%) cũng ảnh hưởng lớn đến KNGT của HSTH. Ở các vùng nông thôn miền núi phía Bắc, nhất là vùng sâu, vùng xa, nơi đời sống kinh tế, văn hóa còn lạc hậu, tách biệt với môi trường văn hóa cả nước, lối sống giao tiếp còn chủ yếu dựa vào hương ước và luật tục. Quan hệ giao tiếp về cơ bản vẫn chịu sự chi phối của tình cảm làng xóm, tình bà con thân thuộc.

- Môi trường giáo dục trong trường tiểu học cũng ảnh hưởng đến giáo tiếp của HSTH nông thôn vùng núi phía Bắc, với các mức độ (xem bảng 2).

Bảng 2. Mức độ ảnh hưởng (đơn vị %)

| TT | Các yếu tố/Mức độ | Trực tiếp | Gián tiếp |
|----|--|-----------|-----------|
| 1 | Năng lực giao tiếp của GV | 83,3 | 15,8 |
| 2 | Môi trường giao tiếp của lớp học | 76,5 | 23,5 |
| 3 | Cơ sở vật chất tới hành động giao tiếp | 25,3 | 74,3 |
| 4 | Năng lực cá nhân HS | 83,8 | 16,3 |
| 5 | Phương pháp dạy học, giáo dục của GV | 85,3 | 13,8 |

Bảng 2 cho thấy, phương pháp dạy học, giáo dục của GV (85,3%) và năng lực giao tiếp của GV (83,3%) cũng ảnh hưởng trực tiếp đến KNGT của HSTH nông thôn; do: cơ sở vật chất đầu tư cho giáo dục miền núi chưa nhiều, chất lượng giảng dạy còn thấp, GV người địa phương còn thiếu;

nội dung chương trình còn nặng, ít kiến thức địa phương mang tính đặc thù của vùng miền... Hơn nữa, nhà trường thường chỉ chú trọng dạy trẻ em kiến thức trong SGK mà quên đi những kĩ năng ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của các em; hoặc dạy nhiều về lí thuyết hơn là thực hành.

Ngoài ra, GV không chỉ giao tiếp với HS qua nội dung bài giảng, mà phải là tấm gương sáng mẫu mực về nhân cách; thống nhất giữa lời nói, việc làm với hành vi ứng xử. Có như vậy, GV mới tạo cho mình có uy tín, thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao. Khi năng lực giao tiếp hay kĩ năng sống của GV chưa được «chuẩn hóa» sẽ ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của HS. Đây chính là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNGT cho HS. Thực tế hiện nay, muốn nâng cao KNGT cho HS, đòi hỏi bản thân GV cần hoàn thiện KNGT cơ bản. Muốn làm được điều đó, đòi hỏi các trường sư phạm cần quan tâm dạy kĩ năng sống nói chung và KNGT nói riêng cho HS, sinh viên, đưa giáo dục kĩ năng sống vào chương trình giáo dục.

Để nâng cao KNGT cho HSTH vùng nông thôn miền núi phía Bắc, cần tạo ra một môi trường giao tiếp rộng lớn cho các em (phụ thuộc chính vào các GV hàng ngày, hàng giờ trên lớp tiếp xúc trực tiếp); cần giảm tải các chương trình, đưa thêm kiến thức địa phương vùng miền vào bài học; có kế hoạch phát triển giao tiếp ở tiểu học (các hoạt động ngoài giờ, ngoại khoá, lồng ghép trong các môn học). Quan trọng nhất là cần có sân chơi, môi trường phát triển KNGT cho HS, tăng cường KNGT phù hợp với đặc điểm, điều kiện của HSTH vùng nông thôn, miền núi... □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Anh - Nguyễn Kim Thanh. **Giao tiếp sư phạm**. NXB Giáo dục, H. 1997.
2. Nguyễn Thị Thanh Bình. **Giáo trình Giáo dục kĩ năng sống**. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
3. Phạm Hồng Quang. **Môi trường giáo dục**. NXB Giáo dục, H. 2006.
4. Phạm Hồng Quang. **Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc, miền núi**. NXB Đại học sư phạm, H. 2003.